

## TỪ KINH ĐIỂN TRANG NGHIÊM ĐẾN TIỂU THUYẾT HOẠT KÊ – MỘT CÁCH ĐỌC HIỂU LIÊN VĂN BẢN

(Đọc hiểu nhân vật *Nho lâm ngoại sử* bằng từ khóa của *Luận ngữ*)

LÊ THỜI TÂN\*

### TÓM TẮT

Khái quát hóa bộ ba nhân vật trần thuật ở trung tâm tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* bằng nhóm ba từ khóa “cuồng quuyến” 狂狷 “huong nguyên” 鄉原 và “trung dung” 中庸 của *Luận ngữ* - 論語 giúp ta đi xa hơn trên con đường tiếp cận nội hàm văn hóa của danh tác này. Thường thức *Chuyện làng Nho trên nền tri thức chú giải sách chép lời thầy* - *Luận ngữ* cũng là một dịp nhìn lại lịch sử - lịch sử của cái quá trình tạm gọi “từ lời của Thầy đến trò của Thầy”. Kinh điển nghiêm trang lẽ nào lại không được mở đọc cùng tiểu thuyết hoạt kê?

**Từ khóa:** *Luận ngữ*, *Nho lâm ngoại sử*, nội hàm văn hóa, điển tích nghiêm trang, tiểu thuyết hoạt kê.

### ABSTRACT

*From formal classics to parodic novels - an approach to inter-text reading comprehension*

*(Understanding the characters in The Scholars using terms in Analects of Confucius)*

Reading *Analects*, we feel that the use of such terms as “overactive yet serious”, “hypocrite” and “neutral” to generalize the trio of main characters in *The Scholars* is a further approach to cultural connotation of this famous novel. Reading “*The Unofficial History of the Forest of the Literati*” based on comments of *Analects* is also a chance to look back into history – the history of the so-called “from Master’s words to Master’s students”. Is it true that formal classics cannot be read in reference to parodic novels?

**Keywords:** *Analects*, *The Scholars*, cultural connotation, formal classic, parodic novel.

### 1. Đặt vấn đề

Đọc *Luận ngữ* (論語), chúng tôi cảm thấy lấy mấy chữ “cuồng quuyến” (狂狷), “huong nguyên” (鄉原) và “trung dung” (中庸) để khái quát hóa bộ ba nhân vật trần thuật ở trung tâm tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*<sup>1</sup> cũng là một cách tiến xa hơn trên con đường tiếp cận nội hàm văn hóa của danh tác tiểu thuyết này.

### 2. Bộ ba nhân vật trong tiểu thuyết và các từ khóa đọc từ điển tịch

#### 2.1. Đỗ Thiệu Khanh – “cuồng quuyến”

*Luận ngữ* thiên 13 - *Tử Lộ* có đoạn 21: “Tử viết: Bất đắc trung hành nhi dữ chi, tất dã cuồng quuyến hồ! Cuồng giả tiến thủ, quuyến giả hữu sở bất vi dã.” 「子曰: 不得中行而與之, 必也狂狷乎! 狂者進取, 狷者有所不為也。」 Tạm diễn nghĩa: “Không Tử nói: Không tìm được người theo được đạo trung dung mà giao lưu cùng thì ta chơi với hạng cuồng

\* TS, Đại học Quốc gia Hà Nội

phóng hoặc hạ giữ mình cao khiết vậy. Kẻ cuồng phóng mạnh bạo hành sự; Người cao khiết chừng mực giữ khoảng cách, có những việc chưa ra nhất định không làm” [6]. Đỗ Thiệu Khanh (杜少卿) trong *Nho lâm ngoại sử* phải chăng cũng là một kẻ có thể xếp vào hạng “cuồng - quỵn” này đây? Cách đọc hiểu hai chữ “cuồng quỵn” trong *Luận ngữ* của một vài học giả Trung Hoa hiện đại như Ngô Mật (đầu thế kỉ XX), Lý Trạch Hậu (đương đại) càng khơi gợi chúng tôi liên hệ đến nhân vật Đỗ Thiệu Khanh trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*.<sup>2</sup> Ngô Mật giải thích: “Cuồng = “người lí tưởng chủ nghĩa”, thiếu kém kinh nghiệm thực tiễn. Quỵn = bỡ ngỡ đời, kẻ theo chủ nghĩa hoài nghi luận, nhưng ngôn hành nhất trí” [8]. Đỗ Thiệu Khanh bỏ đường khoa cử làm một Mạnh Thường Quân trong giới văn nhân nhã sĩ, nửa chừng tiêu sạch cả gia sản. Hình ảnh chàng danh sĩ tay bầu rượu tay dặt vợ vãng cảnh ngắm hoa trong mắt nhiều người đã gần với một cuồng nho ngạo đời<sup>3</sup> [4] [9]. Trần thuật trong tiểu thuyết cho thấy cậu công tử xuất thân con nhà họ Đỗ, trước sau là người trọng nghĩa khinh tiền bạc, không a dua chèo kéo kẻ quyền thế nhưng sẵn lòng trắc ẩn lại hào phóng. Là người thực tâm cầu học, coi trọng văn hóa, khai phóng trong học thuật nhưng khinh thường khoa cử thói nát, cuối cùng Đỗ đã thác óm, chối ra làm quan, kiên trì tiết tháo của mình. Một chi tiết đủ thấy tư cách của Đỗ: Khi quan huyện sở tại còn đương chức, Đỗ tuyệt không giao tiếp, nhưng khi y thất thế gặp nạn Đỗ hết lòng cứu giúp. Đỗ chính là người làm điều

mình muốn làm (*cuồng giả*) mà cũng biết không làm điều mình không muốn làm (*quỵn giả*). Kẻ *cuồng giả* đó trong mắt đám đông sĩ nhân mực thước thủ thường xem ra quá nghệ sĩ và lập dị. Mà tính cách *quỵn giả* của y lại làm cho bao bậc quân tử khéo léo giữ mình, giỏi phân đấu mà luôn đạo mạo phải tự thẹn!

## 2.2. Trang Thiệu Quang – “*huong nguyên*”

Nếu Đỗ Thiệu Khanh có thể được xem là kẻ *cuồng quỵn*, thì hơn ai hết, Trang Thiệu Quang (庄征君) đích thực là hạng *huong nguyên* “từ đầu đến chân”. Nhân vật Trang Thiệu Quang (được trần thuật đan xen cùng các câu chuyện Đỗ Thiệu Khanh và Ngu Dục Đức trong chuỗi các hồi 35~37 thuộc quãng giữa tiểu thuyết) xưa nay vẫn được xem là nhân vật tích cực, chính diện<sup>4</sup>. Vậy mà chính là trong thế đối sánh với các nhân vật Đỗ Thiệu Khanh và Ngu Dục Đức chúng ta sẽ có được một cách đọc mới đối với hình tượng nho nhân này. Cách đọc - hiểu mới đó sẽ giúp ta “lộn trái” con người Trang Thiệu Quang ra như là một điển hình cho hạng cơ hội chủ nghĩa và thói “*huong nguyên*” đầu cơ, nghệ thuật tự đánh bóng hình tượng cá nhân của trí thức sĩ nhân. Sách lược tự sự thâm trầm, cao cường bề ngoài như tuồng ngợi ca, trang trọng mà thực chất là mỉa ngầm (*irony*) của tác giả tiểu thuyết đã đánh lừa đông đảo các nhà nghiên cứu trong suốt trường kì nghiên cứu chủ đề *Nho lâm ngoại sử* nói chung, cắt nghĩa hình tượng nhà nho này nói riêng. Khổng Tử nói đến tính cách “*huong nguyên*” trong *Luận ngữ* ở đoạn 13 thiên 17 - *Dương Hóa*:

“Tử viết: hương nguyên, đức chi tặc dã!”  
子曰：「鄉原，德之賊也」， tạm diễn  
nghĩa: “hạng *hương nguyên* ấy là mối họa  
cho đạo đức”<sup>5</sup> [6].

Nói cho cụ thể, *hương nguyên* chỉ  
hạng nguy quân tử, xử thế chẳng mất  
lòng ai nhưng ngôn hành bất nhất, âm à  
âm ừ, vâng vâng đúng đúng, không để  
cho người biết rõ chân tướng, giỏi lừa đời  
kiếm danh. Chu Hy giải thích thêm trong  
**Tứ thư tập chú**: “*Phu Tử cho rằng kẻ  
hương nguyên lấy cái vẻ đạo đức bề  
ngoài làm loạn đạo đức thực. Cho nên,  
ngài cho đó là hung tặc của đạo đức và  
hết sức căm ghét chuyện đó - Phu Tử dĩ  
kì tựa đức phi đức, nhi phản loạn hồ đức;  
cố dĩ vi đức chi tặc nhi thâm ố chi.*”<sup>6</sup> [5].  
Giải thích của Ngô Mật càng khiến ta  
cảm thấy hình tượng Trang Thiệu Quang  
chính là một sự minh họa khá tập trung  
cho khẳng định của Khổng Tử trong  
*Luận ngữ* về một mối nguy hại đối đạo  
đức của những kẻ gọi là “hương  
nguyên”: “*Hương nguyên = dân nguy  
thiện dung tục, bản chất tự tư tự lợi  
nhưng lại luôn giả danh đạo đức; không  
công khai ủng hộ ai, hành sự không theo  
chuẩn mực, lẫn lộn với thời cuộc để đạt  
được mục đích cá nhân*” [8; tr.118]. Tình  
tường hơn nữa trong việc giải mã tự sự  
về nhân vật này của tiểu thuyết ta sẽ thấy  
một kẻ am tường kinh nghiệm lịch sử và  
bản chất thời cuộc đồng thời cũng sớm  
thấu hiểu được gan ruột nhà cầm quyền  
như Trang Trung Quân trong “*Nho lâm*”  
cũng là “*cửa hiểm*”. Trang dường như  
ngay từ đầu đã không từ cơ hội để ngầm  
tô điểm tạo dựng cho mình hình tượng  
bạc hiện nhân thức giả minh triết. Nho

nhân này đường công danh những toan  
bước lối tắt (màn kịch “*bị tiến cử*”, chủ  
động “*triều kiến*” rồi “*bất ngờ*” xin “*thoái  
ẩn*” diễn thật uyển chuyển, tinh tế), cuối  
cùng cũng khéo kiếm được một chỗ “*ẩn  
cư giữa phố lớn*” (ẩn tại thị). Hồ Nguyên  
Vũ mà chúa thượng ban cho Trang về  
làm nơi nghỉ dưỡng để trước tác làm sáng  
đạo lớn<sup>7</sup> là kết quả của một tinh thần đầu  
cơ, cơ hội chủ nghĩa hết sức tinh vi. Trang  
thực đáng là tấm gương cho những sĩ nhân  
biết xoay cùng cuộc thế: nương được theo  
“*thế đạo*” để tiến thoái sao cho không rơi  
vào xung khắc lộ lộ giữa “*minh triết bảo  
thân*” và “*phấn đấu quên mình*” mà cuối  
cùng danh lợi song toàn!

### 2.3. *Ngu Dục Đức* – “*trung dung*”

Sau cùng xin lấy chữ “*trung dung*”  
(中庸)<sup>8</sup> để giải thích cho hình tượng Ngu  
Dục Đức (虞博士). Có thể nói nhân vật  
Ngu Dục Đức lại là một phương án nhân  
sinh khác của kẻ sĩ nho nhân. Phương án  
này thiết kế trên nền tảng cơ sở hiện thực  
bình dị, cận nhân tình. Chân thành, giản  
dị và bình đạm mà cũng rất đôn hậu và  
tinh tế; gắng gỏi với đời mà không theo  
hùa cục thế - đó là những nét tính cách cơ  
bản của hình tượng chân nho này. Cũng  
giống như đáng khai sinh thuyết “*trung  
dung*” họ Khổng kia<sup>9</sup>, cái con người “*hối  
nhân bất quyện*” (trần thuật trong tiểu  
thuyết cho ta thấy Ngu Dục Đức dạy học  
từ thuở thiếu thời cho đến nửa đời, sau  
làm quan cũng là một học quan trường  
Giám) đó thoát đầu học để nổi nghiệp  
nhà đi dạy, rồi để đi dạy lại học để đi thi.  
Đối với Ngu Dục Đức, hiểu biết và có tư  
cách hơn người thì hoặc làm thầy hoặc  
làm quan. Và làm thầy làm quan thì cũng

chỉ là một cách nuôi mình, nuôi nhà. Cái sở học của Ngu ngoài sách vở thánh hiền, thơ phú cao quý ra cũng có cả thuốc thang, xem phong thủy phòng khi thất cơ lỡ vận. Cần phải có danh ông cử ông nghè thì mua sách ôn thi, luyện văn trường quy (trong trường hợp của Ngu, tham gia khoa cử thực tế mà nói cũng chỉ là kiếm cái “chứng chỉ” để hành nghề đi dạy). Làm quan rồi thì cố gắng tích chút tiền lương mua chút ruộng dưỡng già, dành thời gian dạy con học thuốc phòng thân. Ngu đi thi chẳng vì mưu chuyện đậu rồi sẽ mong được làm quan ở kinh thành mà khai thấp tuổi<sup>10</sup>. Ngu vui lòng nhận một chức quan Bác sĩ ở trường Giám quê nhà - chức quan phụ trách công việc mà mình quen làm, thích làm - đó là nghề dạy học.

Liên hệ Ngu với Vương Miện - nhân vật mở đầu cuốn tiểu thuyết (hồi giáo đầu) sẽ làm sáng tỏ thêm tính cách trung dung của Ngu. Một độc giả tinh tế không khó phát hiện ra đôi nét tinh thần khí chất Vương Miện ở hồi truyện đầu tiên nay lại được tô đậm trở lại ở hình tượng nhân vật Ngu Dục Đức quăng giữa cuốn tiểu thuyết. Chỗ khác biệt về tình cảnh chỉ là ở chỗ: vào thời Vương giang sơn đổi chủ, tân triều mở nước – mọi chuyện mới chỉ bắt đầu. Một con dân của hai chế độ như Vương thừa đó ít nhiều còn có thể chọn lựa. Vương, để tránh chứng kiến hậu quả văn hóa của thể chế khoa cử vừa mới được khâm định, đã sớm dứt khoát “trốn vào trong núi” trước lúc vị Thái Tổ của tân triều ra chiếu vời hiền! Ngược lại, tới thời Đỗ – Trang – Ngu, khi bản triều khai quốc đã lâu và thể

chế văn hóa xã hội đã thành truyền thống bao thế hệ<sup>11</sup> thì xử sự của Ngu Dục Đức đã phải ôn hòa và thông tục đi nhiều. Và chẳng so kĩ ra Vương có phong thái nghệ sĩ pha lẫn đáng triết nhân (hội họa và năng lực tiên lượng thời thế), còn Ngu là thầy giáo ôn tồn đôn hậu, chân phương lại ưa an ổn. Ngu đâu có thể trốn chế độ được như Vương Miện trăm năm trước (trừ phi cũng từ bỏ thân phận sĩ để lam lũ giữa nhân quần như *tứ khách*<sup>12</sup> cuối tiểu thuyết). Trong câu chuyện Vương Miện, Ngô Kính Tử dường như cố tình lướt qua vấn đề tổ tông gia thế. Không thấy tác giả nhắc gì đến chuyện ông nội hay thân phụ Vương Miện. Cũng không thấy tác giả đề cập chuyện thê tử (khác với trong sử truyện). Tiểu thuyết như ta đọc thấy chỉ nói khi mẹ già đã mất, Vương lặng lẽ bỏ nhà lánh đời, vào núi mai danh ẩn tích. Ở Ngu Dục Đức thì khác, xuất thân con nhà có sách (ông nội là tú tài, bố là thầy đồ) lại là con hiếm (cầu tự mà có), lẽ tự nhiên Ngu phải đèn sách nối nghiệp nhà. Ngoái lên có gia nghiệp thi thư, ngoảnh xuống có thê tử, Ngu Dục Đức không dễ theo đường Vương Miện. Ngu Dục Đức phải tham gia khoa cử. Mặc dù vậy, trên thực tế, ông nghề Ngu sống phần lớn cuộc đời bằng nghề “bán tự vi sư”. Và cũng mãi tới tuổi *tri thiên mệnh* (cũng chữ trong *Luận ngữ*), Ngu mới thi tiến sĩ, bỏ làm quan trông trường Giám cũng là một chức học quan mà thôi. Thế nhưng, nói cho cùng, Vương Miện và Ngu Dục Đức - hai kẻ khác đời chung cuộc thế đó đều có cùng một thái độ đối với vấn đề căn bản truyền kiếp của sĩ nhân “học hành – làm quan”. Về phương diện này, cả hai gặp nhau ở

chỗ bản thân đều không phải là những người quyết sống chết phải học để thi đỗ làm quan.

Trần thuật trong tiểu thuyết cho thấy Vương đi học, đọc sách đơn giản chỉ là bản thân thích như vậy. Đến trường được ba năm, nhà lâm cảnh khó, thân mẫu đành phải bảo Vương thôi học. Biết cảnh nhà, Vương cũng vâng thuận. Lời Vương đáp mẹ hoàn toàn không có khẩu khí của kẻ chí cao hoài bão lớn gì, có chăng chỉ bộc lộ tâm tính của một đứa trẻ sớm khôn, hiểu kính, suy nghĩ gắng vịn toàn mà thôi: “*Mẹ nói cũng phải. Con đi học, trong lòng cũng áy náy bồn chồn, chả bằng đi chăn trâu cho người ta còn vui hơn. Giả dụ con muốn học, thì cũng cứ mang theo mấy cuốn sách tự học lấy như thường*” (hồi 1) [9; tr.2], [3; tr.28]. Tiểu thuyết không có ý “liệt truyện” hóa Vương thành một kẻ ban ngày làm thuê, ban đêm bắt đom đóm đọc sách, gượng lại con buồn ngủ bằng châm kim vào đùi. Vương đi chăn trâu mượn kiếm cái ăn cái mặc đỡ đàn mẹ. Việc học của Vương được kể một cách giản dị: Cứ vài tháng một lần, Vương tranh thủ lúc rỗi chạy tới trường trong thôn mua ở hàng sách rong một ít sách về học dưới bóng cây khi đi chăn trâu. Như thế cho đến non tuổi hai mươi thì “*từ thiên văn, địa lí, kinh sử không gì là không thông tuở*” (hồi 1) [9; tr.4], [3; tr.32]. Cũng trong quãng thời gian đó, Vương tự học vẽ tranh đến độ thành tài. Việc tự học vẽ tranh của Vương cũng bắt đầu một cách tự nhiên: chăn trâu giữa đồng nội, ngắm cảnh sen trong hồ thấy đẹp, cảm thấy không lưu lại cảnh đẹp trên giấy thì tiếc. Tranh thoát

đầu không đẹp, sau dần có tiếng, Vương bán tranh lấy tiền. Khi có đủ tiền lo liệu cho sinh hoạt thì Vương thôi làm thuê “*ở nhà ngày vẽ vài bức, đọc thơ văn cổ, dần dà thôi không còn khổ vì cơm áo nữa*” (hồi 1) [9; tr.5], [3; tr.32]. Ngu Dục Đức cũng vậy. Thuở nhỏ, cha đi dạy nên mang theo cho học kèm. Cha mất, nổi nghiệp cha mưu sinh bằng nghề ông đồ. Chi tiết trần thuật: “*Đương thời có Vân Tình Xuyên hàng đầu thiên hạ về cổ văn thơ từ. Ngu Bác Sĩ đến tuổi mười bảy mười tám thì theo ông ta học thơ văn*” (hồi 36) [9; tr.396], [4; tr.148] cho thấy Ngu không rập tâm học gạo văn cử nghiệp trường ốc. Học văn của Ngu bao gồm cả những thứ gọi là cao siêu mà trong tình cảnh phòng thân nuôi miệng thì cũng có thể xem là kẻ mưu sinh thiết thực như xem phong thủy địa lí, tử vi, trạch cát (các chi tiết: *học địa lí, đoán số, xem ngày với Kỳ Thái Công...* Quan hệ giữa cụ Kỳ với Ngu gọi ta nhớ đến quan hệ giữa già Tần và Vương Miện). Về sau, khi đã đậu tiến sĩ nhờ khoa cử văn bát cổ, ra làm quan, nghe một người học trò trường Giám thổ lộ rằng nhờ mua sách học cách viết văn bát cổ mà thi đỗ thì Ngu cũng nói thực: “*Ta cũng không chịu khó làm văn bát cổ đâu*” (hồi 36) [9; tr.399], [4; tr.156]. Thuở đầu, sở dĩ phải học văn bát cổ tham gia cử nghiệp ấy cũng nhằm để vững cái bát cơm thầy đồ mà thôi. Chuyện kể rất giản dị: “*Cụ Kỳ nói: Anh Ngu, anh là hàn sĩ chỉ học mỗi thi văn như thế này là vô ích. Phải học thêm lấy vài ngón mưu sinh. Tôi lúc thiếu thời địa lí, tử vi, trạch cát cũng biết cả. Nay tôi dạy anh để phòng khi cần đến mà*

*dùng*. Ngu Dục Đức tận tâm học hỏi. Kì Thái Công lại nói: *Anh còn nên đi mua vài quyển sách văn đi thi mà học chút, sau này ra ứng thí, thi đỗ thì việc ngồi dạy học càng chắc chắn hơn*. Ngu nghe lời cụ Kì, mua mấy quyển văn mẫu về xem. Đến năm hai tư tuổi, Ngu đi thi ở huyện đậu tú tài. Năm sau nhà họ Dương cách đây hai mươi dặm mời Ngu về nhà dạy học, mỗi năm ba mươi lạng tiền lương. Tháng Giêng Ngu đến dạy, tới tháng Chạp vẫn về ăn Tết với nhà cụ Kì như cũ” (hồi 36) [9; tr.396], [4; tr.148]. Đọc qua đủ thấy những nét tương tự trong việc học cũng như sinh hoạt mưu sinh bằng chữ giữa Vương Miện và Ngu Dục Đức. Vương Miện chối thẳng việc làm quan trong lúc Ngu xem chức quan rảnh của mình (Ngu thực tế thuần túy là một viên học quan trông coi trường Giám, không phải là học quan kiểu Chu Tiến, Phạm Tiến làm chủ khảo chấm bài, cũng không phải quan cha mẹ dân như các viên tri huyện, tuần phủ, bố chánh mà ta thấy “lai vãng” trong tự sự *Nho lâm ngoại sử*) là một chỗ làm công ăn lương nhà nước thể thôi. Xem lời Ngu nói với Đỗ Thiếu Khanh khi thuyên chuyển công tác đủ thấy tinh thần đó: “*Tôi nhiều lắm thì cũng làm quan ba năm nữa, ít thì hai năm. Tích góp thêm chút lương bổng, thêm vào vài chục gánh gạo nuôi miệng hai vợ chồng mỗi năm cho khỏi đói vậy thôi! Còn như việc con cháu tôi cũng không quản được. Hiện con trai ngoài giờ học, tôi dạy nó học thuốc đặng để kiếm ăn. Tôi cần làm quan mà chi!*” (hồi 46) [9; tr.498], [4; tr.317].

Có nhiều học giả cho rằng Ngô Kính Tử chia sẻ niềm đồng cảm cá nhân nhiều nhất với nhân vật Đỗ Thiếu Khanh trong khi không ít người quả quyết Vương Miện là nhân vật lí tưởng của nhà văn [1]. Riêng chúng tôi trước sau tin rằng Ngu Dục Đức mới là nhân vật giành trọn cảm tình kín đáo của họ Ngô. Dung dị và cận nhân tình, Ngu Dục Đức có thể được xem là phương án nhân sinh của nho nhân nói chung. Thiên ý của chúng tôi là nêu *hiểu chữ lí tưởng theo nghĩa nên noi theo và sẵn lòng để noi theo và có thể noi theo được* thì ta có thể xem Ngu Dục Đức là nhân vật lí tưởng của tác giả tiểu thuyết. Có thể đối với Vương Miện, tác giả tiểu thuyết chọn thái độ tôn sùng mến trọng trong lúc Ngu Dục Đức lại là nhân vật được ông yêu mến và cảm kích. Dù gì đi nữa, điều chắc chắn là khác với phần đa các nhân vật khác, rất khó tìm thấy những nét bút phê mĩa ngầm trong trần thuật xây dựng chân dung hai hình tượng nhân vật này.

Trong liên hệ Ngu Dục Đức như là con người của thời hiện tại với Vương Miện như là kẻ muôn năm cũ, ý tưởng của nhà tự sự hiện lên khá rõ ràng: lí tưởng bao gồm hai tính cách – tính cách cao vời tuyệt đối đáng để noi theo và tính cách cận nhân tình có thể tuân theo! Không phải ai cũng có thể từ bỏ thời cuộc, tránh biệt thế quyền ẩn mình núi vắng như Vương Miện nhưng hoàn toàn có thể giữ đạo trung dung cúi ngựa với đời để sống đời bình dị như Ngu Dục Đức. Đây cũng là nguyên do vì sao chúng tôi đặt vấn đề Ngu Dục Đức như là một sự tiếp nối cho hình tượng Vương Miện trong tự sự *Nho*

*lâm ngoại sử*. Đặt hai hình tượng Vương Miện và Ngu Dục Đức bên nhau chắc chắn sẽ góp phần lí giải sâu hơn quan niệm nhân sinh của tác giả *Nho lâm ngoại sử*. Nói cho gọn, Ngu khó mà có thể trốn đời, lánh thân núi vắng như Vương Miện đầu sách. Nhưng Ngu cũng chẳng ngạo đời, cuồng khoáng như Đỗ Thiệu Khanh. Đặc biệt, Ngu lại càng không bộ tịch, cao nhả bề ngoài như Trang Thiệu Quang. Xử sự của Ngu nhìn chung rất cận nhân tình, chân thành, biểu hiện của một tâm hồn chan hòa mà vẫn cứng cỏi giữ mình. Đó chính là tinh thần thực sự của một kẻ *trung dung*. Qua nhân vật Ngu Dục Đức, bạn đọc phần nào cảm nhận được quan niệm “chân nho” của Ngô Kính Tử.

### 3. Thay lời kết – “văn học” và “nhân học”

Việc phân tích trở lại các nhân vật Đỗ Thiệu Khanh, Trang Thiệu Quang, Ngu Dục Đức trong liên hệ đối chiếu (nhìn nhận chúng trong thế bộ ba) đi kèm liên hệ tới hình tượng Vương Miện đầu sách mà chúng tôi đã tiến hành trong bài này là một cố gắng mới trong việc khám phá trở lại chủ đề cuốn tiểu thuyết, hoặc nói rộng ra là khám phá nội hàm văn hóa của tác phẩm. Như đầu đề bài viết đã bộc lộ - cố gắng này cuối cùng đã được thực hiện nhờ vào việc đọc lại các hình tượng

nhân vật tiểu thuyết trong thế liên văn bản (intertextuality): đối chiếu tiểu thuyết mà tác giả tự gọi là “Ngoại sử của rừng nho” với tác phẩm được xem là “Kinh điển của Nho lâm” chép đối thoại giữa đấng vạn thế sư biểu với các nho nhân học sĩ bìa đề “Luận ngữ”!<sup>13</sup> Cách đọc trong thế đối chiếu đó trong chốc lát đưa hai cuốn sách cách nhau cả quãng dài lịch đại cùng đặt lên trên một mặt bàn đồng đại. Cách đọc đó có thể bị những người tôn thờ (theo kiểu “cuồng quyền” khoáng đạt hoặc “huong nguyên” tinh vi) Khổng Tử trách cứ. Nhưng chúng tôi tin rằng thưởng thức *Chuyện làng Nho* trên nền tri thức chú giải sách chép lời thầy *Luận ngữ* cũng là một dịp để ngó lại lịch sử - chí ít đó cũng là lịch sử của cái quá trình tạm gọi “từ lời của Thầy đến trò của Thầy”. Kinh điển trang nghiêm lẽ nào lại không được mở đọc cùng tiểu thuyết hoạt kê? Ở giữa nghiêm trang đạo mạo và vui đùa bề bạ ấy là “trung dung” vậy! Đạo trung dung chắc chắn cũng là điều cần thiết cho bao thế hệ bạn đọc thường vẫn tâm niệm tín điều mà văn hào Nga từng phát biểu “văn học là nhân học”. Các nhà nghiên cứu phê bình và cả các nhà giáo dục không ngại đọc *Nho lâm ngoại sử* và *Luận ngữ* như những tài liệu “nhân học” tiêu biểu.

<sup>1</sup> 儒林外史 *Nho lâm ngoại sử* bản dịch tiếng Việt *Chuyện làng Nho*. Tất cả các đoạn dẫn tác phẩm trong bài này đều dẫn dịch từ [9] *Nho lâm ngoại sử*, Tân thế giới xuất bản xã, bản in 2001. Số trang đối ứng bản dịch ở đây thống nhất dẫn theo bản dịch tiếng Việt [3], [4] *Chuyện làng Nho*, Nxb Văn học (hai tập, bản in 2001).

<sup>2</sup> Xem Lý Trạch Hậu, *Luận ngữ kim đọc – Reading the Analects today* (Tam Liên Thư Điểm xuất bản, 2004). Sau khi chú dịch, Lý bình luận thêm: “Khổng Tử lấy (cụm từ) *hữu sở bất vi* 有所不為 giải thích chữ *quyển* là hay hơn nhiều so với chú giải của Chu Hy: “Tôi thường nghĩ trong **tình hình thực tế ở Trung Quốc mấy chục năm từ trước lại nay**, “tiến thủ” hoặc “hữu sở vi” (有所為 làm được việc có ý nghĩa nhất định - LTT) là rất khó, thậm chí là không có khả năng. Nhưng “hữu sở bất vi” tức **không hòa hòa vào làm việc xấu, nổi trôi lăn lóc theo đám đông thì trên những mức độ nào đó, theo những cách nào đó là có thể làm được**”

[7; tr.367] (ND nhấn mạnh bằng in đậm. Nhân tiện ND cũng cho rằng “hữu sở bất vi” quan trọng không kém cái ý chí “phần đầu bằng được” (enterprising). Biết dừng-ngừng dường như là một cách biểu thị đức tự trọng, giữ mình, biết chừa chỗ, biết điểm dừng, giữ giới hạn trong hành xử (draw the line at certain action).

<sup>3</sup> Xem hồi 33 – đoạn kể ông nhà nho tài tử, ngày xuân mang theo một chiếc cốc uống rượu bằng vàng, ngồi kiệu đến vãng cảnh vườn họ Diêu ở núi Thanh Lương. Rượu say cầm cốc rượu khoác tay phu nhân rong giễu giữa đường.

<sup>4</sup> Trang được nhắc đến lần đầu tiên trong tiểu thuyết qua lời nhân vật Lô Hoa Sĩ nói cùng Đổ Thiệu Khanh: “*Ông cậu họ Trang ở cầu Cửa Bắc nghe tin chủ đã đến sốt ruột muốn gặp.*” Đổ Thiệu Khanh đáp lời Lô Hoa Sĩ gọi Trang là “*Thiệu Quang tiên sinh*” (hồi 33). Thế nhưng phải gần một hồi sau Trang mới được giới thiệu trực diện trong dòng thoại ngữ của người trần thuật: “(hồi 34 - Đổ Thiệu Khanh cùng Trì Hành Sơn đến chơi nhà, Trang ra đón khách) *Chủ nhân họ Trang, tên Thượng Chí, tự Thiệu Quang, con nhà dòng dõi thi thư mấy đời đất Nam Kinh*”. Qua hồi 35 kể từ sau khi có chiều vời Trang lên kinh vì chuyện “*trung tịch – cầu hiền*” thì người trần thuật đột ngột gọi Trang là Trang Trung Quân (庄徵君). Chúng tôi căn cứ vào tình tiết *vời hiền – trung tịch* để phiên âm tên nhân vật là “Trung”. Các bản in hiện đại chữ giản thể chuyên thành 征 thường phiên là “Chinh”. Bất kể là thế nào đi nữa thì việc chú ý tới cách gọi tên nhân vật (nhân vật khác gọi hay người trần thuật gọi) cũng cần được chú ý một cách thích đáng nếu ta còn quan tâm đến việc cảm nhận chiều sâu của ý vị tự sự của tiểu thuyết. Dường như đằng sau những chữ đẹp để “*Thượng-Chí 尚志*” (sùng thượng chí nguyện) “*Thiệu-Quang 紹光*” (tiếp nối vinh quang) “*Trung-Quân*” (người được vua vời) kia còn thấp thoáng một ý vị phúng dụ ngầm (irony) nào đó của nhà tự sự. Rốt cuộc thì độc giả cũng đã thấy hình ảnh một sĩ nhân vào độ “tứ thập bất hoặc” kia *sùng thượng* một *chí hướng* ra sao, tiếp nối được chuyện làm rạng rỡ (*thiệu quang*) cha ông như thế nào (chỉ tiết trần thuật rất đáng chú ý – Trang sau cuộc “*ứng trung*” lên kinh báii kiến hoàng đế và được ban vùng Hồ Nguyên Vũ giữa đô thị Nam Kinh liền về quê xây lại mộ tổ)? Khôn ngoan bền bỉ kiến thiết danh tiếng để trở thành đối tượng “*cầu hiền*” nhưng rồi lại chối quan đê về quê với một ân tứ lớn – vua ban cho một mảnh đất riêng gồm hồ nước mênh mông với đảo đẹp, biệt thự làm nơi ẩn dật “**trước tác ngòi ca thịnh thế**”. Dùng cách nói thời thượng ngày nay thì hành xử của Trang chính là một cách tự “*đánh bóng*” bản thân rất *professional*, còn khu đất liền hồ đó chính là một khu *resort* nghỉ dưỡng lí tưởng! Kê sĩ cùng thời ai người danh lợi hài hòa song toàn được như Trang? Bút pháp phúng dụ cao siêu của tác giả tiểu thuyết khiến cho rất nhiều nhà phê bình trong suốt trường kì nghiên cứu cứ một mực nhận nhầm Trang là nhân vật “*chính diện*”, “*lí tưởng tích cực*”.

<sup>5</sup> Chú giải - phiên dịch *Luận ngữ* qua trường kì lịch sử tạo ra một nguồn tài liệu hết sức đồ sộ phản ánh những cách đọc hiểu càng ngày càng “*uyên viễn*”. Tuy vậy, có lúc một cách diễn giải giản dị cũng đã đủ làm thỏa mãn độc giả. Chẳng hạn đối dịch ra Hán ngữ hiện đại và Anh ngữ tiểu đoạn vừa dẫn trên của *論語中英文全譯* (xin xem [http://www.chinese-wiki.com/Analects\\_of\\_Confucius](http://www.chinese-wiki.com/Analects_of_Confucius)) là rất đáng tham khảo: *English*: Confucius said “A person who is able to please the whole village, is a person lack of virtue”, *Modern*: 孔子說 “一鄉中全不得罪的好人, 是有損道德的人”, *Original*: 子曰 “鄉原, 德之賊也” (Kẻ mà cả làng chẳng làm mất lòng ai - kẻ đó là nguy hiểm về mặt đạo đức).

<sup>6</sup> 子以其似德非德, 而反亂乎德, 故以為德之賊而深惡之”(朱熹四書集注論語集注卷九陽貨第十七).

<sup>7</sup> Tình tiết tự sự trong tiểu thuyết: Thánh thượng sau khi “*thờ dài một hồi*” sai chính Thái Bảo Đại học sĩ truyền chiếu: “*Cho Trang Thượng Chí trở về quê. Ban cho năm trăm lượng bạc lấy từ kho nhà vua. Lấy Hồ Nguyên Vũ ở Nam Kinh cho Trang làm nơi viết sách lập thuyết cổ sủy tuyên truyền nền thánh trị tươi sáng*” (hồi 35) [9 tr.387; 4 tr.138].

<sup>8</sup> *Luận ngữ* đề cập đến hai chữ “*Trung Dung*” ở đoạn 27 Thiên 6 雍也: 子曰 “中庸之為德也, 其至矣乎! 民鮮久矣”. Tạm diễn nghĩa: “*Trung Dung* như là một phẩm đức con người - đáng là tiêu chuẩn chí thượng, thế mà từ lâu nó đã trở thành thứ quý hiếm ở dân ta mất rồi!”. Các bản dịch tiếng Anh thường dịch “*Trung Dung*” thành: “*The Doctrine of Mean*” (Confucius said: “*The Doctrine of Mean serving as a beacon of virtue, is most appropriate. But alas, virtue is seldom seen in people.*” – xem 《*論語*》中文百科在線 [www.zwbk.org/zh-tw/Lemma\\_Show/76516.aspx](http://www.zwbk.org/zh-tw/Lemma_Show/76516.aspx)). Bản dịch của Burton Watson: “*The Master [Confucius] said, The virtue embodied in the doctrine of the Mean is of the highest order. But it has long been rare among people*”. James Legge thì gọi là *Constant Mean* (luôn giữ thường đạo) hoặc *Middle Way* (Trung Đạo).

<sup>9</sup> Những ai từng đọc *Khổng Tử thế gia* (*Sử kí* Tư Mã Thiên 《*孔子世家*》) chắc sẽ cảm nhận được một số nét tương tự giữa hình tượng Khổng Tử và Ngu Dục Đức ở những dòng trần thuật mở đầu cho hồi truyện về nhân vật này trong *Nho lâm ngoại sử* (hồi 36).



<sup>10</sup> Sĩ tử ngày xưa thi đến bạc đầu mà chưa qua ải tú tài thì vẫn gọi là “đồng sinh”. Nhiều người phải khai gian tuổi khi đi thi (không biết có phải làm lại “giấy khai sinh” không?). Tiểu thuyết có đoạn trần thuật chuyện Ngu đậu tiến sĩ, hoàng đế “xem hồ sơ” thấy tuổi lớn không muốn lưu làm quan ở Kinh.

<sup>11</sup> Không phải ngẫu nhiên mà tự sự *Nho lâm ngoại sử* đã tạo một “cách quãng” thời gian gần thế kỉ giữa hồi 1 - kể chuyện Vương Miện và chuỗi hồi còn lại của tiểu thuyết kể chuyện Làng Nho các thế hệ sau. Ta có thể hiểu đó là khoảng cách thời gian từ lúc lập quốc ban bố tân chính sách mới mẽ cho đến lúc lễ luật đã trở thành truyền thống, con dân coi mọi thứ là hết sức “tự nhiên” xưa nay thế! Đương nhiên khoảng cách thời gian đó là bé hơn rất nhiều so khoảng cách mà đầu đề bài viết này đã chỉ tới – khoảng cách từ “lời của thầy đến trò của thầy”.

<sup>12</sup> “*Từ khách*” (hồi 55) chỉ câu chuyện bốn sĩ nhân sống đời cơ hàn “phó thường dân”, tự gạt mình ra bên rìa thế cuộc, thôi không chen chân xã hội và phấn đấu cùng thời buổi nữa.

<sup>13</sup> “Thuật nhi bất tác 述而不著”! Các nho nhân môn sinh sau cùng cũng đã chép lời Vạn thế Sư biểu thành tập “Luận ngữ” (Sayings). Đáng được chép lời ấy có thể không là nhà triết học theo hình dung chung (siêu hình học) nhưng chắc chắn là bậc am tường xã hội nhân sinh (luân lí học). Kê sĩ hiện đại Trung Hoa ngày nay có người (劉曉波 Liu Xiaobo) cho rằng “Luận ngữ” chẳng qua cũng chỉ là sách chép đạo lí xử thế phổ thông và tỏ lòng thông cảm sâu sắc với Khổng Tử khi tự ví mình là “chó nhà có tang 喪家之狗” (*Khổng tử Thế gia* trong *Sử Kí* 《史記-孔子世家》). *Nho lâm ngoại sử* kể chuyện một ông tú tài (đương thời tú tài mới chỉ là “chúng chi” mở đường cử nghiệp, muốn được bỏ làm quan ít ra phải tiếp tục thi đậu cử nhân) kết luận “Khổng Tử mà sống thời nay cũng phải ôn luyện theo sách văn mẫu mà đi thi” (就是夫子在而今也要念文章做举业). Không biết Khổng Tử nếu sống lại thì có thi đậu hay không nhưng điều chắc chắn là đáng sư biểu không biết học thuyết của mình đã được “độc tôn” (orthodoxy) và từng đoạn nhỏ mười chữ trích từ “Luận ngữ” thì trở thành đề thi tuyển “cán bộ” trong hàng trăm năm! Đọc song song *Luận ngữ* và *Nho lâm ngoại sử* trên chiếc bàn đồng đại còn là dịp để ta ngoảnh lại lịch đại của việc “trò đã chọn thầy” như thế nào bên cạnh việc hồi cổ quá trình đã được bài viết này “đúc kết” lại ở phần kết thúc - “từ lời của thầy đến trò của thầy”.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thời Tân (2013), “Thực chất vẻ đẹp hình tượng Vương Miện và tư tưởng hồi truyện mở đầu tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 46 (80).
2. Lê Thời Tân (黎时宾) (2004), 《儒林外史》新詮(博士论文-导师陈洪教授)南开大学文学院.
3. Ngô Kính Tử (2001), *Chuyện làng Nho*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Ngô Kính Tử (2001), *Chuyện làng Nho*, tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. 朱熹集注 (2004), 《四集注》岳麓书社.
6. 金穀治譯注 (1999), 《論語》岩波文庫.
7. 李泽厚 (2004), 《论语今读》生活·讀書·新知三聯書店.
8. 吴宓 (1993), *Literature and Life* 文學與人生 清華大學出版社.
9. 敬梓 (2000), 《儒林外史》(清凉布褐陈美林批评校注)新世界出版社出版.
10. 司馬遷 (1982), 《史記》中華書局.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 08-10-2013; ngày phân biện đánh giá: 19-10-2013;  
ngày chấp nhận đăng: 20-11-2013)